

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Liêm

2. Ông Nguyễn Văn Mâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1994 (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh **Ngô Văn C**, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Ph, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn C kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2017. Trong thời gian chung sống chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C có người phụ nữ khác bên ngoài và chung sống như vợ chồng; hiện anh C và người phụ nữ khác

đã có con chung với nhau nhưng anh C vẫn thường xuyên tìm chị và đánh đập chị, còn dọa sẽ giết chị nếu chị không quay trở lại với anh C. Xét thấy, hôn nhân giữa chị và anh C không còn hòa hợp, không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Ngô Văn C có 01 (Một) người con chung tên Ngô Gia B, sinh ngày 31/12/2016, hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia B, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Ngô Văn C không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống chị và anh Ngô Văn C không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Ngô Văn C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh C không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ánh T có mặt theo triệu tập của Tòa án, bị đơn là anh Ngô Văn C vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của anh C về yêu cầu ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Ngô Văn C là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ph, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là anh Ngô Văn C vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Văn C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh T và anh Ngô Văn C tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 20/02/2017 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo chị Lê Thị Ánh T trình bày thì trong thời gian chung sống chị và anh Ngô Văn C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh C có người phụ nữ khác bên ngoài và chung sống như vợ chồng; hiện anh C và người phụ nữ khác đã có con chung với nhau nhưng anh C vẫn thường xuyên tìm và đánh đập chị, còn dọa sẽ giết chị nếu chị không quay trở lại với anh C; nay chị nhận thấy, hôn nhân giữa chị và anh C không còn hòa hợp, không thể tiếp tục được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn C. Đối với anh Ngô Văn C, trong quá trình tố tụng anh C không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T, như vậy anh C đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với chị T. Xét thấy, anh C có hành vi bạo lực gia đình và sống không chung thủy, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân giữa chị T và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh T thì trong thời gian chung sống chị T và anh Ngô Văn C có 01 (Một) người con chung tên Ngô Gia B, sinh ngày 31/12/2016, hiện con đang sống với chị T; sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con tên Ngô Gia B. Xét thấy, chị Nguyễn Thị Ánh T yêu cầu được nuôi con, anh Ngô Văn C không có ý kiến phản đối; mặt khác, cháu B vẫn còn nhỏ và hiện nay đang sống ổn định với chị T; do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngô Gia B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi là phù hợp và có cơ sở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu anh Ngô Văn C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh T thì trong thời gian chung sống chị T và anh Ngô Văn C không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh T thì trong thời gian chung sống chị T và anh Ngô Văn C không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T. Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Ngô Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Gia B, sinh ngày 31/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Ánh T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007814 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Ngô Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền